

mại Lao Bảo bản định mức nguyên liệu nhập khẩu từ nước ngoài cấu thành trong sản phẩm nếu là hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại Khu Thương mại Lao Bảo có sử dụng nguyên liệu, linh kiện của nước ngoài.

- Thực hiện các nghĩa vụ khác quy định tại Luật Hải quan, Nghị định số 101/2001/NĐ-CP ngày 31/12/2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan và các văn bản hướng dẫn về vấn đề này.

b) Trách nhiệm của Chi cục Hải quan Khu Thương mại Lao Bảo:

- Làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu của doanh nghiệp Khu Thương mại Lao Bảo và hàng hóa nhập khẩu của doanh nghiệp nội địa theo đúng quy định.

- Trường hợp hàng hóa từ nước ngoài nhập khẩu vào Khu Thương mại Lao Bảo tiêu thụ không hết xin đưa vào tiêu thụ nội địa: Hải quan căn cứ vào bộ hồ sơ nhập khẩu ban đầu để làm thủ tục nhập khẩu. Hàng hóa thuộc loại hình nhập khẩu nào thì áp dụng thủ tục theo loại hình đó.

c) Trách nhiệm của Hải quan cổng B:

- Chịu trách nhiệm kiểm soát, giám sát hàng hóa khi hàng hóa đi qua cổng B để vào nội địa.

- Làm thủ tục cho hàng hóa phi mậu dịch từ Khu Thương mại Lao Bảo đưa vào nội địa.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Quảng Trị có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện Quyết định này; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan để thực hiện đúng Quy chế Khu Thương mại Lao Bảo ban hành

kèm theo Quyết định số 219/1998/QĐ-TTg ngày 12/11/1998 và Quyết định số 08/2002/QĐ-TTg ngày 11/01/2002 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản khác có liên quan.

2. Tổng cục Hải quan thường xuyên theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn Cục Hải quan tỉnh Quảng Trị và Cục Hải quan các tỉnh, thành phố khác thực hiện nghiêm túc Quyết định này. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc đề nghị kịp thời báo cáo Bộ Tài chính để giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính

*Thứ trưởng*

TRƯƠNG CHÍ TRUNG

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM

**QUYẾT ĐỊNH của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước số 456/2003/QĐ-NHNN ngày 12/5/2003 về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 “Quy chế thanh toán bù trừ điện tử liên ngân hàng” ban hành kèm theo Quyết định số 1557/2001/QĐ-NHNN ngày 14/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.**

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG  
NHÀ NƯỚC

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số*

01/1997/QH10 ngày và Luật Các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12/12/1997;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 64/2001/NĐ-CP ngày 20/9/2001 của Chính phủ về hoạt động thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán;

Căn cứ Quyết định số 44/2002/QĐ-TTg ngày 21/3/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng chứng từ điện tử làm chứng từ kế toán để hạch toán và thanh toán vốn của các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế toán - tài chính,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 “Quy chế thanh toán bù trừ điện tử liên ngân hàng” ban hành kèm theo Quyết định số 1557/2001/QĐ-NHNN ngày 14/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước như sau:

“1. Quy chế này điều chỉnh hoạt động thanh toán bù trừ qua mạng máy tính các khoản thanh toán bằng Đồng Việt Nam (VNĐ) giữa các ngân hàng, tổ chức khác được làm dịch vụ thanh toán hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam cùng mở tài khoản tiền gửi tại một đơn vị Ngân hàng Nhà nước, do đơn vị Ngân hàng Nhà nước đó tổ chức và chủ trì thanh toán bù trừ điện tử.

a) Mức tiền thanh toán qua bù trừ điện tử liên ngân hàng:

- Đối với các lệnh thanh toán giữa các ngân hàng trong phạm vi một địa bàn tỉnh, thành phố thì không giới hạn mức tiền.

- Đối với các lệnh thanh toán bù trừ điện tử để chuyển đi ngân hàng khác địa bàn tỉnh, thành phố thì mức tiền tối đa là mức giá trị thấp do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định cho từng thời kỳ.

b) Tất cả các khoản chuyển tiền Nợ trong thanh toán bù trừ điện tử liên ngân hàng đều phải có ủy quyền trước: Các ngân hàng thành viên phải ký hợp đồng chuyển nợ với nhau và phải có thông báo bằng văn bản cho ngân hàng chủ trì trước khi thực hiện.”

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế toán - tài chính, Cục trưởng Cục Công nghệ tin học ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng giám đốc (Giám đốc) Ngân hàng, tổ chức khác được làm dịch vụ thanh toán chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

Phó Thống đốc

VŨ THỊ LIÊN